

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/DS-ST
Ngày: 29 - 4 - 2021
V/v tranh chấp vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Ông Trần Minh Đáng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 252/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1988; địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Bùi Văn Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà N, chị H, anh Đ có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 11 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 03/3/2020 bà cho chị H vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày chị H góp số tiền 164.000 đồng, thời gian góp là 150 ngày. Tuy nhiên, chị H chỉ góp được 90 ngày với số tiền 14.760.000 đồng, còn thiếu số tiền 5.240.000 đồng tiền gốc.

Ngày 02/4/2020 bà cho chị H vay số tiền 45.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày chị H góp 369.000 đồng, thời gian góp là 150 ngày. Tuy nhiên, chị H chỉ góp được 60 ngày với số tiền 22.140.000 đồng, còn thiếu số tiền 22.860.000 đồng tiền gốc.

Ngày 03/5/2020 bà cho chị H vay số tiền 73.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi ngày chị H góp 1.825.000 đồng, thời gian góp là 45 ngày. Tuy nhiên, chị H chỉ góp được 4 ngày với số tiền 7.300.000 đồng, còn thiếu 65.700.000 đồng tiền gốc.

Ngoài ra, trước đó vào ngày 21/10/2018 bà cho chị H vay số tiền 36.000.000 đồng, thỏa thuận vay trong thời hạn 07 ngày trả, lãi suất là 0,5%/ngày (tức 1.000.000 đồng thì chị H trả 5.000 đồng/ngày nhưng chị H chưa trả cho bà khoản nào).

Tổng số tiền chị H còn thiếu bà là 129.800.000 đồng tiền gốc (bà đồng ý các khoản tiền mà chị H góp hàng ngày được tính vào tiền gốc). Sau đó, chị H có trả cho bà số tiền gốc là 14.000.000 đồng và thỏa thuận với bà sẽ đóng lãi cho bà hàng tháng nhưng chị H không thực hiện đúng thỏa thuận. Nay bà yêu cầu Tòa án buộc chị H và anh Bùi Văn Đ (chồng chị H) cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc là 115.000.000 đồng. Về lãi suất, bà yêu cầu chị H và anh Đ trả từ ngày 03/5/2020 đến khi xét xử sơ thẩm, mức lãi suất là 20%/năm và bà đồng ý trừ số tiền mà chị H đã đóng lãi cho bà là 5.000.000 đồng.

Bị đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày: Đối với các Biên nhận vay vào các ngày 03/3/2020, 02/4/2020, 03/5/2020 và tiền vay ngày 21/10/2018 là chị có ký và thỏa thuận vay của bà N như bà N trình bày. Tuy nhiên, số tiền và các lần vay trên xuất phát từ việc chị vay tiền của bà N nhiều lần. Lần 1, vào khoảng cuối năm 2018 vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận góp 22 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng. Chị không nhớ góp được bao nhiêu ngày và bao nhiêu tiền. Lần 2, chị vay 10.000.000 đồng vào khoảng cuối năm 2018 (sau lần 1 khoảng hơn 10 ngày), thỏa thuận góp 22 ngày, mỗi ngày 500.000 đồng. Chị không nhớ góp được bao nhiêu ngày và bao nhiêu tiền. Tuy nhiên, 02 lần vay trên chị góp không đủ ngày và số tiền nên chị với bà N thỏa thuận chuyển toàn bộ số tiền nợ sang phần vay khác. Do đó, mới phát sinh số tiền 115.000.000 đồng như yêu cầu khởi kiện của bà N. Nay bà N yêu cầu chị trả số tiền 115.000.000 đồng thì chị đồng ý trả, còn yêu cầu tính lãi của bà N thì chị không đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn Đ trình bày: Anh là chồng chị H. Giữa chị H với bà N có vay tiền như thế nào thì anh không biết. Nay bà N yêu cầu anh trả số tiền gốc là 115.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 03/5/2020 với mức lãi suất 20%/năm thì anh chỉ đồng ý trả số tiền gốc 115.000.000 đồng mà không đồng ý trả lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

bà N; buộc chị Nguyễn Ngọc H và anh Bùi Văn Đ cùng có trách nhiệm trả cho bà N số tiền gốc là 115.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Về án phí, chị H và anh Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị N yêu cầu chị Nguyễn Ngọc H và anh Bùi Văn Đ trả tiền vay và chị H, anh Đ hiện cư trú tại Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Cho nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Bà N khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền gốc là 115.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà N cung cấp các Tờ giấy thể hiện chị H vay tiền góp hàng ngày và có chữ ký H. Bà N xác định, chị H vay tiền góp và thỏa thuận trả hàng ngày như sau: Vào ngày 03/3/2020 bà N cho chị H vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận là mỗi ngày chị H góp số tiền 164.000 đồng, thời gian góp là 150 ngày. Tuy nhiên, chị H chỉ góp được 90 ngày với số tiền 14.760.000 đồng, còn thiếu số tiền 5.240.000 đồng tiền gốc; ngày 02/4/2020 bà N cho chị H vay số tiền 45.000.000 đồng, thỏa thuận là mỗi ngày chị H góp 369.000 đồng, thời gian góp là 150 ngày. Tuy nhiên, chị H chỉ góp được 60 ngày với số tiền 22.140.000 đồng, còn thiếu số tiền 22.860.000 đồng tiền gốc; ngày 03/5/2020 bà N cho chị H vay số tiền 73.000.000 đồng, thỏa thuận là mỗi ngày chị H góp 1.825.000 đồng, thời gian góp là 45 ngày. Tuy nhiên, chị H chỉ góp được 04 ngày với số tiền 7.300.000 đồng, còn thiếu 65.700.000 đồng tiền gốc; ngoài ra, trước đó vào ngày 21/10/2018 bà N cho chị H vay số tiền 36.000.000 đồng, thỏa thuận vay trong thời hạn 07 ngày trả, lãi suất là 0,5%/ngày (tức là 1.000.000 đồng thì chị H trả lãi 5.000 đồng/ngày nhưng chị H chưa trả cho bà N khoản tiền nào).

[2.2] Chị H thừa nhận chữ ký trong tờ giấy vay tiền góp trên là của chị H. Tuy nhiên, chị H xác định số tiền trong tờ giấy vay tiền góp là bà N cộng dồn của các lần mà chị vay trước kể cả vốn và lãi do chị H không trả đủ tiền của các lần vay trước. Nay bà N yêu cầu chị H trả 115.000.000 đồng thì chị H đồng ý trả cho bà N. Xét thấy, chị H thừa nhận chữ ký cũng như cách thức mà các bên giao dịch trả tiền góp theo các Tờ giấy góp tiền ngày 03/3/2020, 02/4/2020, 03/5/2020 và ngày 21/10/2018 nên Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa bà N và chị H có giao dịch vay tiền như trên. Chị H cho rằng, số tiền trên là cộng dồn của nhiều lần vay trước đó nhưng không có chứng cứ gì chứng minh trong khi bà N không thừa nhận việc này. Nên lời trình bày của chị H là không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, chị H đồng ý trả cho bà N số tiền 115.000.000 đồng. Đó đó, Hội đồng xét xử có căn cứ buộc chị H trả cho bà N số tiền vay 115.000.000 đồng.

[2.3] Về tiền lãi: Bà N yêu cầu chị H trả tiền lãi kể từ ngày 03/5/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 20%/năm và trừ đi số tiền mà chị H

đã đóng lãi cho bà 5.000.000 đồng. Xét thấy, trong các Tờ giấy vay tiền góp ngày 03/3/2020, 02/4/2020, 03/5/2020 và số tiền vay ngày 21/10/2018 thì bà N và chị H thống nhất là vay tiền góp trả hàng ngày. Tuy nhiên, số tiền mà các bên thỏa thuận lãi suất vay trên 20%/năm là không phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, bà N khởi kiện yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền chậm trả là 20%/năm là phù hợp với khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận. Do các bên thỏa thuận tính lãi là ngày và bà N yêu cầu tính lãi từ ngày 03/5/2020 đến nay nên ghi nhận yêu cầu của bà N, số ngày tính lãi là 361 ngày, số tiền lãi chị H phải trả là:

$$\frac{115.000.000 \times 20\% \times 361}{365} = 22.747.945 \text{ đồng.}$$

Như vậy, tổng số tiền lãi chị H phải trả sau khi trừ đi 5.000.000 đồng đã đóng trước đó là: 22.747.945đ – 5.000.000đ = 17.747.945 đồng.

[2.4] Về nghĩa vụ thanh toán tiền nợ: Mục đích của chị H vay của bà N để trị bệnh cho con và chi tiêu trong sinh hoạt gia đình. Chị H làm nghề buôn bán, còn anh Đ là thợ sửa xe. Chị H và anh Đ xác định có mối quan hệ là vợ chồng và sống cùng một nhà. Chị H không tham gia cờ bạc hay tệ nạn nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh Đ phải chịu trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ, cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Ngọc H và anh Bùi Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng số tiền được tính án phí là $(115.000.000đ + 17.747.945đ) \times 5\% = 6.637.397$ đồng.

Bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc chị Nguyễn Ngọc H và anh Bùi Văn Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 132.747.945 đồng (trong đó 115.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi 17.747.945 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Ngọc H và anh Bùi Văn Đ phải nộp 6.637.397 đồng (sáu triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 3.037.000 đồng (Ba triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008433 ngày 30/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Nguyễn Duy Khanh